

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST  
Ngày 04/02/2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Phượng

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Ông Huỳnh Khắc Chung

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 04/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 18/01/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1993 (có mặt).

***Địa chỉ:*** Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh T.

***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1963 (có mặt).

Bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

***Địa chỉ:*** Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 28/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày: Ngày 03/7/2019, vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T1 có mượn của anh số tiền 181.500.000 đồng và hứa sẽ trả trong thời hạn một năm, khi nhận tiền ông T và bà T1 có viết và ký tên trong giấy nhận nợ. Hiện nay, do đã quá thời hạn trả nợ, đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T và bà T1 vẫn không thực hiện nên anh yêu cầu ông T và bà T1 phải trả cho anh số tiền 181.500.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn T thừa nhận vợ chồng ông có nợ anh Ngon số tiền 181.500.000 đồng, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông người khác giữ và tranh chấp đang chờ Tòa án cấp cao giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, khi nào làm xong thủ tục sang tên, chuyển quyền phân đất, ông nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thế chấp ngân hàng thì ông sẽ trả lại số tiền 181.500.000 đồng cho anh Ngon. Bà Trần Thị T1 đã được tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý

do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ngon yêu cầu ông T và bà T1 trả tiền nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị T1 đã được tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bà Trần Thị T1.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Ngon yêu cầu ông T và bà T1 trả số tiền 181.500.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của anh Ngon là có căn cứ, bởi lẽ tại giấy nhận nợ ngày 03/7/2019, thể hiện ông T và bà T1 có nợ anh Ngon số tiền 181.500.000 đồng có ký tên xác nhận nợ, hai bên thỏa thuận sẽ nhận, trả hết số nợ trong thời hạn một năm. Đến hạn trả nợ anh Ngon đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T và bà T1 không thực hiện. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2020, ông T cũng thừa nhận vợ chồng ông có nợ anh Ngon số tiền trên và đồng ý trả nhưng khi nào ông làm xong thủ tục sang tên, chuyển quyền phần đất đang tranh chấp, nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp ngân hàng mới có tiền trả cho anh Ngon. Do ông T và bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh Ngon nên buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả ngay số tiền cho nguyên đơn là phù hợp qui định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh Ngon và ông T thỏa thuận đồng ý cho ông T và bà T1 trả số tiền nợ trong thời gian 5 tháng, bà T1 thì không có mặt để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ngon, buộc ông T và bà T1 có nghĩa vụ trả cho anh Ngon số tiền 181.500.000 đồng trong thời hạn 5 tháng, tức là đến ngày 04/7/2021.

[3] Án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 463, 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn N số tiền 181.500.000đ (Bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng) trong thời hạn 5 tháng (đến ngày 04/7/2021).

Kể từ ngày anh Trần Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T1 chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T1 phải chịu 9.075.000đ (Bằng chữ: Chín triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho anh Trần Văn N số tiền 4.537.500đ (Bằng chữ: Bốn triệu, năm trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005859 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Phụng**